

Số: **01** /2019/QĐST-DS

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 11/12/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2018/TLST-DS ngày 02/01/2018 về việc: “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự có mặt nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Ngày 27/12/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được văn bản của ông Lê Đình U, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên hòa giải, đồng ý với các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 11/12/2018.

Ngày 11/01/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được văn bản của bà Lê Thị Thanh T, là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên hòa giải, đồng ý với các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 11/12/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đình TH, sinh năm 1963. Địa chỉ: 5085 rue de Gascogne, Trois-Rivieres, G8Y6Y7, Canada.

Tạm trú tại: 178/6A đường X, phường 21, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo U quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Anh P. Địa chỉ: 187/5 PĐP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: 63 NTK, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Đình U2, sinh năm 1934. Địa chỉ: 876A/2/3 TH, Quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1932. Địa chỉ: 7521 Wyoming St, Westminster, 92683 California, USA.

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1955. Địa chỉ: 11 ngõ 8, đường LK 14, thị trấn HN, huyện HN, tỉnh Nghệ An.

4. Bà Lê Thị P, sinh năm 1958. Địa chỉ: 65 NTK, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Bà Hà Thị Hồng N, ông Hoàng L, bà Trần Thị H.

Đều có cùng địa chỉ: 11A (số mới 39) PBC, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1. Về hàng thừa kế và di sản thừa kế:

Các đương sự đã thỏa thuận thống nhất các vấn đề sau:

1.1. Về hàng thừa kế:

Ông Lê Đình H (mất năm 2005), Bà Lê Thị Kim A (mất năm 2017). Hai ông bà có được 03 người con gồm:

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1955.
- Bà Lê Thị P, sinh năm 1958.
- Bà Lê Thị H, sinh năm 1960.

Trước khi lấy bà A thì ông H đã có vợ là bà Võ Thị Cẩn T (mất năm 1930), Hai ông bà có hai người con là:

- Ông Lê Đình U, sinh năm 1934.
- Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1941.

Như vậy, những người được hưởng di sản của ông Lê Đình H để lại gồm:

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1955.
- Bà Lê Thị P, sinh năm 1958.
- Bà Lê Thị H, sinh năm 1960.
- Ông Lê Đình U, sinh năm 1934.
- Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1941.

Ngoài ra không còn ai khác.

1.2. Về di sản thừa kế:

- Về đất: Ông Lê Đình H có để lại di sản là ngôi nhà và đất tại số 39 (số cũ 11) PBC, phường VN, thành phố H thuộc thửa đất T.168, tờ bản đồ số 2, nay theo bản vẽ hiện trạng là thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34, diện tích $146,2m^2$ theo giá của hội đồng định giá là $146,2m^2 \times 60.000.000\text{đồng} = 8.772.000.000\text{đồng}$.

- Về nhà: Trên thửa đất có ngôi nhà chính đã phân chia thành 3 ki ốt để cho thuê và ngôi nhà phụ có gác gỗ.

Ngôi nhà chính có 3 ki ốt cho thuê khi tháo dỡ không có giá trị, các đương sự không yêu cầu chia.

Ngôi nhà có gác gỗ phía sau theo định giá $3.150.000\text{đồng}/m^2 \times 79m^2 = 248.850.000\text{đồng}$. Giá trị còn lại 30% là $74.655.000\text{đồng}$.

Tổng giá trị di sản thừa kế: $8.772.000.000\text{đồng} + 74.655.000\text{đồng} = 8.846.655.000\text{đồng}$.

Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp duy nhất của ông H sau khi đã phân chia cho 2 người con là bà Lê Thị P và Lê Thị H.

1.3. Trên gác gỗ của ngôi nhà phụ có bàn thờ của gia đình ông H gồm: tủ thờ và 8 di ảnh của gia đình, phía nguyên đơn ông Lê Đình TH tự nguyện nhận và di dời để thờ tự.

1.4. Về giá trị sửa chữa ba ki ốt ở ngôi nhà chính: Các đương sự thống nhất phần sửa chữa của bà Lê Thị H $10.000.000\text{đồng}$, phần sửa chữa của ông Hoàng L $6.158.000\text{đồng}$, của bà Trần Thị H $7.024.000\text{đồng}$.

2. Về kỹ phần và phương án phân chia di sản:

2.1. Trước khi chết ông Lê Đình H có lập tờ di chúc được UBND phường Vĩnh Ninh chứng thực chữ ký vào ngày 22/6/1998 để định đoạt di sản là ngôi nhà, đất. Các đương sự thống nhất phân chia theo di chúc do ông H để lại. Phần di sản không định đoạt trong di chúc, phân chia theo pháp luật. Cụ thể:

* Về đất:

- Thừa đất số 50 tờ bản đồ số 34, diện tích $146,2\text{m}^2$ theo giá của hội đồng định giá là $146,2\text{m}^2 \times 60.000.000\text{đồng} = 8.772.000.000\text{đồng}$.

Phần của nguyên đơn Lê Đình TH và ông Lê Đình U 60m^2 .

Phần của bà Lê Thị Thanh T và bà Lê Thị H 160m^2

Đối với phần di sản chưa định đoạt trong di chúc gồm:

- Phần diện tích còn lại chưa chia theo di chúc được chia theo pháp luật, cụ thể: $146,2\text{m}^2 - 120\text{m}^2 = 26,2\text{m}^2$ chia đều cho 5 người, gồm: bà Lê Thị H1, bà Lê Thị P, bà Lê Thị H, ông Lê Đình U, bà Lê Thị Thanh T, mỗi người nhận $5,24\text{m}^2$.

Như vậy, kỹ phần mỗi người được hưởng là:

Ông Lê Đình U là cha của ông Lê Đình TH đã thỏa thuận giao phần của mình được hưởng cho ông Lê Đình TH. Nên phần của nguyên đơn Lê Đình TH là $60\text{m}^2 + 5,24\text{m}^2 = 65,24\text{m}^2$. Phần của bà Lê Thị Thanh T là $30\text{m}^2 + 5,24\text{m}^2 = 35,24\text{m}^2$, bà T đã thỏa thuận giao phần của mình được hưởng cho ông TH, nên phần ông TH được hưởng là $100,48\text{m}^2$, giá trị $100,48\text{m}^2 \times 60.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 6.028.800.000\text{đồng}$.

Phần bà Lê Thị H1 $30\text{m}^2 + 5,24\text{m}^2 = 35,24\text{m}^2$. Giá trị $35,24\text{m}^2 \times 60.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 2.114.400.000\text{đồng}$.

Phần bà Lê Thị H $5,24\text{m}^2 \times 60.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 314.400.000\text{đồng}$.

Phần bà Lê Thị P $5,24\text{m}^2 \times 60.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 314.400.000\text{đồng}$.

* Về nhà: Các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Ngôi nhà chính đã phân chia thành 3 ki ốt cho thuê, khi tháo dỡ không có giá trị, các đương sự không yêu cầu chia.

- Ngôi nhà có gác gỗ phía sau theo định giá $3.150.000\text{đồng}/\text{m}^2 \times 79\text{m}^2 = 248.850.000\text{đồng}$. Giá trị còn lại 30% là $74.655.000\text{đồng}$, thống nhất chia đều cho 5 người, gồm bà Lê Thị H1, bà Lê Thị P, bà Lê Thị H, ông Lê Đình U, bà Lê Thị Thanh

T, mỗi người 14.931.000đồng. Ông Lê Đình U là cha của ông Lê Đình TH và bà Lê Thị Thanh T đã thỏa thuận giao phần của mình được hưởng cho ông Lê Đình TH. Nên tổng cộng, kỷ phần mỗi người được hưởng là:

Ông Lê Đình TH $6.028.800.000\text{đồng} + 29.862.000\text{đồng} = 6.058.662.000\text{đồng}$.

Bà Lê Thị H1 $2.114.400.000\text{đồng} + 14.931.000\text{đồng} = 2.129.331.000\text{đồng}$.

Bà Lê Thị H $314.400.000\text{đồng} + 14.931.000\text{đồng} = 329.331.000\text{đồng}$.

Bà Lê Thị P $314.400.000\text{đồng} + 14.931.000\text{đồng} = 329.331.000\text{đồng}$.

Tổng cộng: 8.846.655.000đồng

- Về giá trị sửa chữa ba ki ốt ở ngôi nhà chính: Các đương sự thống nhất phần sửa chữa của bà Lê Thị H 10.000.000đồng, phần sửa chữa của ông Hoàng L 6.158.000đồng, của bà Trần Thị H 7.024.000đồng. Ông Lê Đình TH nhất trí trả khoản tiền này.

- Đối với bàn thờ của gia đình ông H gồm: tủ thờ và 8 di ảnh của gia đình ở trên gác gỗ của ngôi nhà phụ: phía nguyên đơn ông Lê Đình TH tự nguyện nhận và di dời để thờ tự.

2.2. Về phương án phân chia di sản:

Các đương sự thống nhất phương án phân chia di sản như sau:

a. Giao cho ông Lê Đình TH được toàn quyền sở hữu ngôi nhà chính, ngôi nhà phụ có gác gỗ và quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34, diện tích $146,2\text{m}^2$. Trị giá theo giá của hội đồng định giá:

- Về đất: $146,2\text{m}^2 \times 60.000.000\text{đồng} = 8.772.000.000\text{đồng}$.

- Về nhà: $3.150.000\text{đ/m}^2 \times 79\text{m}^2 = 248.850.000\text{đồng}$. Giá trị còn lại 30% là 74.655.000đồng.

- Trên gác gỗ của ngôi nhà phụ có bàn thờ của gia đình ông H gồm: tủ thờ và 8 di ảnh của gia đình, phía nguyên đơn ông Lê Đình TH tự nguyện nhận để thờ tự.

Ông Lê Đình TH có nghĩa vụ lập hồ sơ kê khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

b. Ông Lê Đình TH phải trả tiền cho những người sau đây theo kỷ phần mà họ được hưởng:

Bà Lê Thị H1 $2.114.400.000\text{đồng} + 14.931.000\text{đồng} = 2.129.331.000\text{đồng}$.

Bà Lê Thị H $314.400.000\text{đồng} + 14.931.000\text{đồng} = 329.331.000\text{đồng}$.

Bà Lê Thị P $314.400.000\text{đồng} + 14.931.000\text{đồng} = 329.331.000\text{đồng}$.

(Bà Lê Thị H1, bà Lê Thị H, bà Lê Thị P đã nhận đủ số tiền nêu trên do ông Lê Đình TH chuyển vào ngày 11/12/2018).

c. Ông Lê Đình TH phải trả số tiền sửa chữa ba ki ốt ở ngôi nhà chính cho những người sau đây:

- Bà Lê Thị H 10.000.000đồng.

- Ông Hoàng L 6.158.000 đồng.

- Bà Trần Thị H 7.024.000đồng.

d. Về thời hạn lưu cư: Ông Hoàng L, bà Trần Thị H, bà Hà Thị Hồng N được quyền lưu cư trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này, phải giao trả nguyên trạng mặt bằng kinh doanh cho ông Lê Đình TH.

3. Về án phí:

Các đương sự thỏa thuận mỗi đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ hưởng trong khối di sản thừa kế. Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% mức án phí theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, cụ thể:

Ông Lê Đình TH được hưởng 6.058.662.000đồng, nên phải chịu án phí: $\{112.000.000\text{đồng} + 0,1\% \times 2.058.662.000\text{đồng}\}/2 = 114.058.662\text{đồng}/2 = 57.029.331\text{đồng}$. Ông Lê Đình TH đã nộp tạm ứng án phí 12.000.000đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 005199 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, nên số tiền án phí còn lại phải nộp là 45.029.331đồng.

Bà Lê Thị H1 được hưởng 2.129.331.000đồng, nên phải chịu án phí: $\{72.000.000\text{đồng} + 2\% \times 129.331.000\text{đồng}\}/2 = 74.586.620\text{đồng}/2 = 37.293.310\text{đồng}$.

Bà Lê Thị H được hưởng 329.331.000đồng, nên phải chịu án phí: $\{329.331.000\text{đồng} \times 5\%\}/2 = 8.233.000\text{đồng}$.

Bà Lê Thị P được hưởng 329.331.000đồng, nên phải chịu án phí: $\{329.331.000\text{đồng} \times 5\%\}/2 = 8.233.000\text{đồng}$.

4. Về chi phí định giá, lập bản vẽ:

Các đương sự thỏa thuận, chi phí định giá, lập bản vẽ hiện trạng nguyên đơn tự nguyện chịu. Nguyên đơn đã nộp đủ.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Tổ HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Lộc